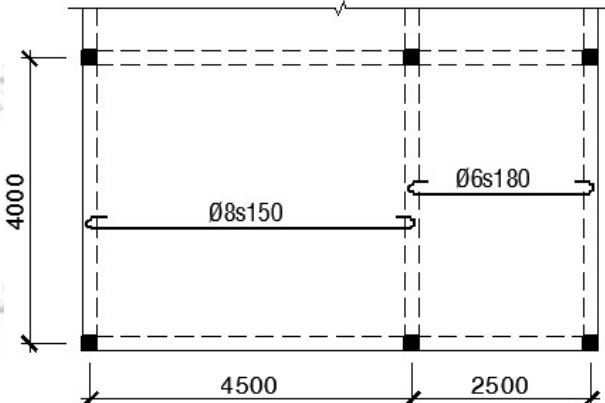
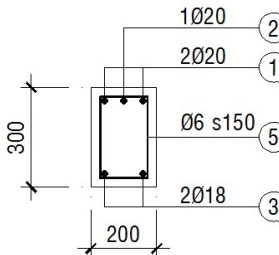
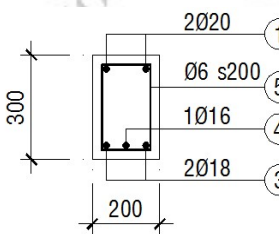


| Câu              | Phần | Nội dung   | Điểm        |
|------------------|------|--|-------------|
| 1                |      | <p>Dây cắt A-A đi qua cạnh dài ô sàn S1 (thép <math>\phi 8s150</math>) và cạnh ngắn ô sàn S2 (thép <math>\phi 6s180</math>). Bố trí thép dọc lập như hình vẽ.</p>  | 2.0đ        |
| <b>Tổng cộng</b> |      |  | <b>2.0đ</b> |
| 2                | a    | <p>Vẽ mặt cắt 1-1</p>  <p style="text-align: center;">1-1</p>   | 1.0đ        |
|                  |      | <p>Vẽ mặt cắt 2-2</p>  <p style="text-align: center;">2-2</p>   | 1.0đ        |
|                  | b    | <p>- Xác định vùng chịu kéo, vùng chịu nén của tiết diện dầm trên mặt cắt 1-1 và 2-2.</p>  | 1.0đ        |
|                  |      | <p>- Mặt cắt 2-2:<br/>+ Thép số 3 (2<math>\phi 18</math>) và số 4 (1<math>\phi 16</math>): thép dọc chịu lực, được bố trí để chịu ứng suất kéo.</p>  | 0.5đ        |

| Câu      | Phần     | Nội dung   | Điểm        |
|----------|----------|--|-------------|
|          |          | + Thép số 1 ( $2\phi 20$ ): thép dọc cấu tạo, được bố trí dựa vào thép chịu kéo của mặt cắt <b>1-1</b> .<br>+ Thép số 5 ( $\phi 6s200$ ): thép đai | 0.5đ        |
|          |          | <b>Tổng cộng</b>   | <b>4.0đ</b> |
| <b>3</b> | <b>a</b> | Bố trí lưới cột trên mặt bằng và đặt tên trục ngang và trục dọc.   | 1.0đ        |
|          | <b>b</b> | + Bố trí hệ dầm sàn, đặt tên dầm.  | 0.5đ        |
|          |          | + Lập bảng chọn sơ bộ kích thước tiết diện dầm.  | 1.0đ        |
|          | <b>c</b> | + Đặt tên các ô sàn  | 0.5đ        |
|          |          | + Lập bảng chọn sơ bộ chiều dày sàn.   | 1.0đ        |
|          |          | <b>Tổng cộng</b>   | <b>4.0đ</b> |